



gào su
告诉

Verb · to tell

Example Sentences

wǒ gào sù mā ma wǒ è le
我告诉妈妈我饿了。

I told my mom I was hungry.

qǐng gào su wǒ nǐ de míng zì
请告诉我你的名字。

Please tell me your name.

qǐng gào su wǒ nǐ de diàn huà hào mǎ
请告诉我你的电话号码。

Please tell me your phone number.

Trace each character, then write the word on your own.

告	告	告	告	告	告	告	告	告	告
诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉